

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 390/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1981

Thường trú: 624E Lầu 2, H, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1982

Thường trú: 616 Lầu 1, T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Cao T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2010, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 08/11/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, ông bà không còn hòa hợp, tin tưởng lẫn nhau. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân được 5 năm. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Cao T không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 36, quyển số 01/2001, tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Nguyễn Hương M, sinh ngày 04/5/2001); Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 89, quyển số 01/2004, tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/6/2004); Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 109/2010, quyển 01/2010, tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Nguyễn Hoàng Thanh L1, sinh ngày 01/10/2010); Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 130/2011, quyển số 01/2011, tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Nguyễn Hoàng Thanh L2, sinh ngày 06/12/2011); Căn cứ vào xác nhận của bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Cao T thì ông bà có 04 (bốn) người con chung có họ tên như trên.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh L1, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Hoàng Thanh L2, sinh ngày 06/12/2011 cho ông Nguyễn Cao T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Cao T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hai người con chung tên Nguyễn Hương M, sinh ngày 04/5/2001 và Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/6/2004 đã trưởng thành nên bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Cao T xác nhận tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Cao T xác nhận nợ chung không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Cao T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2010, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 08/11/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H xác nhận ông bà có 04 (bốn) người con chung tên Nguyễn Hương M, sinh ngày 04/5/2001, Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/6/2004, Nguyễn Hoàng Thanh L1, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Hoàng Thanh L2, sinh ngày 06/12/2011.

Ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh L1, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Hoàng Thanh L2, sinh ngày 06/12/2011 cho ông Nguyễn Cao T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi 02 (hai) con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi 02 (hai) con chung cho bà Nguyễn Thị Tuyết H do ông Nguyễn Cao T không yêu cầu.

Hai người con chung tên Nguyễn Hương M, sinh ngày 04/5/2001, Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/6/2004 đã trưởng thành nên ông T và bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0010370 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Nguyễn Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa